TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hnh phúc** ----------

Bản án số: 149/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 03-5-2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

-*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thiên H
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang H
Bà Nguyễn Thị N

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thu P – Thư ký TAND huyện G.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà:* Bà Trần Thanh H- Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp *"*Xin ly hôn*"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Chị Vũ Thị Lan H, sinh năm 1989**; Nơi cư trú: Số 71/24/31 H, thị trấn V, huyện G, thành phố Hà Nội. "Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt".

- *Bị đơn:* **Anh Đỗ Bá L, sinh năm 1989**; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. "Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/01/2024, các lời khai tại Tòa án trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị Vũ Thị Lan H trình bày:

Về tình cảm: Tôi và anh Vũ Bá L, sinh năm 1989 tìm hiểu nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y ngày 01/11/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh L ở thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là anh L không chịu đi làm, chơi bời nợ nần xã hội đen, tôi đã trả nợ cho nhiều lần, chủ nợ còn đến gây áp lực với tôi. Tôi khuyên bảo nhiều, nhưng mỗi lần như vậy vợ chồng lại cãi nhau, anh L có lần còn đánh tôi. Đến năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng, tôi đã đưa 2 con về nhà bố mẹ đẻ tôi sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Khi ly thân, tháng 7/2021 tôi đã từng làm đơn ly hôn tại Tòa án và đã đình chỉ để cho anh L suy nghĩ lại, nhưng từ đó đến nay, anh L không quan tâm đóng góp kinh tế cùng tôi nuôi dạy con chung, không quan tâm hỏi han đến tôi, nay tôi xác định tình cảm không còn, tôi xin ly hôn.

Về con chung: Tôi và anh L có 02 con chung là cháu Đỗ Bá L, sinh ngày 20/8/2014 và cháu Đỗ Vũ H, sinh ngày 12/8/2019. Hiện nay, các con đều ở cùng tôi tại nhà bố mẹ đẻ tôi địa chỉ số nhà 71 ngách 34/31 H, thị trấn V, huyện G, thành phố Hà Nội. Trong trường hợp ly hôn, mong Tòa xem xét giao các con cho tôi là mẹ đẻ trực tiếp nuôi dưỡng. Vì anh L thường xuyên đi làm ăn xa, thi thoảng mới về nên không có thời gian chăm con. Anh L cũng không có nghề nghiệp ổn định, lại nợ nần, cờ bạc rượu chè. Các cháu sống với tôi sẽ tốt hơn. Về điều kiện nuôi con: Tôi và các con đang ăn ở, sinh sống ổn định tại nhà bố mẹ đẻ tôi. Tôi đang làm công việc văn phòng, thu nhập khoảng 12.000.000 đồng/tháng. Tôi thấy mình có đủ khả năng để nuôi hai con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Mong Tòa giao hai con cho tôi nuôi dưỡng để các cháu có điều kiện phát triển tốt nhất.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, đề nghị Tòa không xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Đỗ Bá L vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt, có lời khai trong trong quá trình chuẩn bị xét xử như sau: Tôi và chị Vũ Thị Lan H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/11/2013 tại UBND xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ của tôi ở thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội. Chúng tôi chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, có cãi nhau qua lại. Chị đã nhiều lần gửi đơn xin ly hôn với tôi tại Tòa án nhân dân huyện G nhưng đã được Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ. Đến đầu năm 2021, chị H và các con chuyển về nhà ngoại sinh sống. Hai vợ chồng tôi ly thân từ đó cho đến nay, cắt đứt mọi liên lạc. Nay xác định tình cảm đã hết, mâu thuẫn trầm trọng, chị H có đơn xin ly hôn với tôi, tôi đồng ý ly hôn.

Về con chung vợ chồng: Tôi và chị H có 02 con chung là cháu Đỗ Bá L, sinh ngày 20/8/2014 và cháu Đỗ Vũ H, sinh ngày 12/8/2019. Khi ly hôn tôi đồng ý giao hai con cho chị H nuôi dưỡng. Trong trường hợp chị H lấy chồng thì giao hai con cho tôi nuôi.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Tôi và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Tòa án huyện G thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán tiến hành tố tụng, xác định quan hệ pháp luật đúng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án tại phiên tòa đúng quy định của pháp luật, đảm bảo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng; Nguyên đơn chấp hành pháp luật; bị đơn không chấp hành pháp luật.

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật HNGĐ năm 2014:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vũ Thị Lan H. Chị H được ly hôn với anh L.

+ Về con chung: Giao cháu Đỗ Bá L, sinh ngày 20/8/2014 và cháu Đỗ Vũ H, sinh ngày 12/8/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị H không yêu cầu, đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung vợ chồng: Không xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Vụ án thụ lý từ ngày 29/12/2023, nên áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

Chị H là người chị án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án do chị H có đơn yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Về thẩm quyền loại việc, Tòa án cấp huyện có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS. Anh L là bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn Đ, xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, TAND huyện G thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo lãnh thổ và cấp Tòa án.

[2]. Về việc xét xử vắng mặt chị Vũ Thị Lan H và anh Đỗ Bá L: Xét thấy tại phiên tòa hôm nay, chị H và anh L vắng mặt lần thứ nhất, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt chị Vũ Thị Lan H và anh Đỗ Bá L là có căn cứ.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Lan H và anh Đỗ Bá L đăng ký kết hôn ngày 01/11/2013 tại UBND xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội, có xuất trình giấy chứng nhận kết hôn bản chính, đủ cơ sở kết luận đây là hôn nhân hợp pháp.

- Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chuẩn bị xét xử chị H và anh L, cũng như người làm chứng là bố mẹ đẻ chị H, chính quyền địa phương xác nhận vợ chồng chị H anh L mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2021 dẫn đến vợ chồng sống ly thân với nhau, nên tình tiết này được ghi nhận. Xét vợ chồng chị H anh L mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân là do anh L thiếu trách nhiệm với vợ con, không chí thú làm ăn, có biểu hiện chơi bời cờ bạc rượu chè, ảnh hưởng đến kinh tế, tình cảm vợ chồng dẫn đến đời sống chung vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cho chị H được ly hôn với anh L là phù hợp với Điều 19, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về con chung vợ chồng: Chị Vũ Thị Lan H và anh Đỗ Bá L có có 02 con chung là cháu Đỗ Bá L, sinh ngày 20/8/2014 và cháu Đỗ Vũ H, sinh ngày 12/8/2019 thể hiện bằng bản sao giấy khai sinh. Hiện cháu L và cháu H đang sống với chị H thể hiện bằng lời khai của chị H, của bà L ông H – bố mẹ đẻ chị H, của bà C – mẹ đẻ anh L, tài liệu của chính quyền địa pH cung cấp nên được ghi nhận. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng nuôi 2 con, anh L nhất trí, cháu L trên 7 tuổi có nguyện vọng

ở với chị H, cháu H 5 tuổi còn nhỏ. Xét chị H có nơi ở ổn định, có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, chị đang nuôi con, nên xét giao 2 con cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho 2 cháu theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị H không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Yêu cầu xin ly hôn của chị H được chấp nhận, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 227, 271, 273, 277 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Lan H đối với anh Đỗ Bá L. Xử cho chị Vũ Thị Lan H được ly hôn với anh Đỗ Bá L .

2. Về con chung: Chị Vũ Thị Lan H và anh Đỗ Bá L có có 02 con chung là cháu Đỗ Bá L, sinh ngày 20/8/2014 và cháu Đỗ Vũ H, sinh ngày 12/8/2019. Khi ly hôn, giao cháu Đỗ Bá L và cháu Đỗ Vũ H cho chị Vũ Thị Lan H được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu L và cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con của anh L cho chị H cho đến khi cháu L cháu H đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có yêu cầu mới.

Anh Đỗ Bá L không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị Vũ Thị Lan H và anh Đỗ Bá L không yêu cầu, HĐXX không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị Lan H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị H đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003930 ngày 19/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nay chuyển thành án phí ly hôn.

Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu

cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị Vũ Thị Lan H, anh Đỗ Bá L vắng mặt có quyền kháng cáo trong Hn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND h. G;
- Chi cục THADS h. G;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng;
- UBND xã Y, huyện G, thành phố Hà Nội (ĐKKH số 112/2013 ngày 01/11/2013).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Thiên H